

# VỀ SỰ CHUNG THUYẾT VỢ CHỒNG

LÊ NGỌC VĂN

Hiện nay, một vấn đề xã hội được nhiều người quan tâm, suy nghĩ và bàn cãi là tình hình ly hôn ngày càng gia tăng, nhất là ở các cặp vợ chồng trẻ. Người ta nhận thấy rằng, dường như ngày nay, những cam kết tình yêu giữa nam nữ thanh niên ít được tôn trọng và những liên minh gia đình không còn giữ được độ bền vững như trước đây (theo thống kê của ngành toà án, trong những năm gần đây, 80% các vụ ly hôn ở nước ta là thuộc về các cặp vợ chồng trẻ có thời gian kết hôn từ 1 đến 5 năm). Điều này buộc người ta phải tiến hành xem xét, đánh giá lại những chuẩn mực của đạo đức truyền thống trong lĩnh vực tình yêu, hôn nhân và gia đình, đặc biệt về cái gọi là sự chung thủy trong quan hệ vợ chồng.

Chung thủy là một giá trị đạo đức, một phạm trù đạo đức học. Nó chỉ nảy sinh trên những điều kiện lịch sử cụ thể. Trước tiên, nó giả định phải có sự xuất hiện của tình yêu nam nữ và tổ chức gia đình. Nhưng các thời đại đã qua, không phải bất cứ ở đâu và lúc nào hôn nhân cũng có sự tham gia của tình yêu<sup>(1)</sup>, và ngay trong các tổ chức gia đình thì không phải bất cứ kiểu gia đình nào trong lịch sử cũng đặt ra vấn đề chung thủy trong quan hệ vợ chồng.

Hình thức hôn nhân xa xưa nhất của loài người mà ngày nay, bằng những tài liệu khảo cổ học, người ta có thể xác định được, đó là chế độ quần hôn, trong đó từng nhóm đàn ông và từng nhóm đàn bà là sở hữu của nhau. Tuy nhiên, trước khi hình thành chế độ quần hôn, người ta giả định rằng, ở giai đoạn thấp của thời đại mông muội khi vừa thoát ra khỏi tình trạng thú vật, bước vào tuổi thơ ấu của mình loài người đã trải qua một thời kỳ tạp hôn. Ở thời kỳ đó, mỗi người đàn bà đều là vợ của tất cả những người đàn ông, và ngược lại, người đàn ông nào cũng có thể là chồng của tất cả những người đàn bà trong bộ lạc của mình.

Con người càng văn minh thì phạm vi xã hội của sinh hoạt tính giao càng thu hẹp lại. Từ hình thức cộng đồng ban đầu chuyển dần thành nhóm hôn nhân rồi đến hôn nhân từng cặp. Bước tiến đó của xã hội, theo Ăng-ghe-n, tương ứng với bước chuyển từ chế độ quần hôn sang chế độ hôn nhân đối ngẫu, diễn ra vào cuối thời đại mông muội, đầu thời đại dã man. Trong chế độ hôn nhân đối ngẫu, một người

---

<sup>(1)</sup> Cần phân biệt: 1. Tình yêu tự nhiên giữa những người khác giới với tư cách là hình thức cao nhất của tình dục. Đó là thứ bản năng cực mạnh mà tạo hoá đã gán cho con người để bảo đảm tiếp tục nòi giống. Ở đây những phẩm chất cá nhân của đối tượng hoàn toàn không có ý nghĩa. 2. Tình yêu hiểu theo nghĩa hiện đại với tư cách là một phạm trù mỹ học, là sự hoà nhập giữa yếu tố tự nhiên (sinh học) với yếu tố văn hoá (xã hội), trong đó yếu tố văn hoá tinh thần có một ý nghĩa đặc biệt. Ở đây, tình yêu được hình thành như tình cảm đối với một con người nhất định với những phẩm chất cá nhân được cá thể hoá. Nó loại trừ tình cảm song song đối với những cá thể khác thuộc giới kia. Trong bài này, chúng tôi sử dụng khái niệm tình yêu theo nghĩa thứ hai.

đàn ông sống với một người đàn bà nhưng *không đồng cư*, vì chưa có sự ràng buộc về kinh tế, và khi cần thì cả chồng lẫn vợ đều có quyền tự do chung tình với nhiều người khác (xã hội tiền giai cấp không hề lên án các quan hệ tính giao trước hôn nhân, cũng như quan hệ tính giao ngoài hôn nhân). Tuy sống từng cặp, nhưng hôn nhân đôi ngẫu rất lỏng lẻo), bất cứ lúc nào cả hai bên đều có quyền cắt đứt mối quan hệ vợ chồng và bước vào một cuộc hôn nhân mới.

Đặc điểm của các chế độ hôn nhân kể trên là con cái đều thuộc về người mẹ. Đó là chế độ mẫu quyền. Ở giai đoạn lịch sử này, người phụ nữ rất được kính trọng. Địa vị đó của họ đã được thần thánh hoá bằng quyền lực của các nữ thần, phản ánh trong thần thoại Hy Lạp. Trong những hình thức hôn nhân đó, người ta chưa từng biết đến sự chung thủy, cũng như “sự bội bạc” và “lòng ghen tuông” là những danh từ chưa từng nghe nói đến bao giờ cả. Tất cả những khái niệm đó chỉ thực sự ra đời trong chế độ phụ quyền, tức chế độ hôn nhân một vợ một chồng bất bình đẳng (sau này ta sẽ thấy chế độ hôn nhân một vợ một chồng bình đẳng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa). Chế độ phụ quyền thay thế chế độ mẫu quyền khi con người kết thúc thời đại dã man bước sang thời đại văn minh. Cơ sở hình thành chế độ phụ quyền là sự xuất hiện các quan hệ giai cấp và sự ra đời chế độ tư hữu - một quan hệ đặc biệt giữa người với người - trong đó một bộ phận người sở hữu hoàn toàn các tư liệu sản xuất, một bộ phận người khác lại hoàn toàn không có một chút tư liệu sản xuất nào. Sự khác nhau đó làm cho một bộ phận này có khả năng chiếm không lao động của bộ phận kia.

Chế độ phụ quyền được xác lập căn cứ trên những điều kiện về kinh tế. Nó dựa trên quyền thống trị của người đàn ông chủ gia đình (người nắm toàn bộ tư liệu sản xuất trong gia đình) đối với vợ con và những người phụ thuộc, và quyền con cái trực tiếp kế thừa tài sản của cha. Nó đánh dấu sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với chế độ công hữu hình thành tự phát lúc ban đầu.

Chính trong hình thức gia đình một vợ một chồng, lần đầu tiên cái gọi là “sự chung thủy vợ chồng” đã được đặt ra vì mục đích đặc biệt của gia đình một vợ một chồng, như Ăng-ghe-nơ nói là “làm cho con cái sinh ra phải có cha đẻ rõ ràng không còn ai tranh cãi được, và nguồn gốc không thể tranh cãi được đó là cần thiết, bởi vì những đứa con đó sau này phải thừa hưởng tài sản của cha với tư cách là kẻ thừa kế trực tiếp” (C.Mác – Ăng-ghe-nơ: *Tuyển tập*, tập II, in lần thứ hai, Nxb. Sự thật H., 1971, tr.265). Người ta đòi hỏi người vợ phải giữ trinh tiết và lòng trung thành đối với chồng, trong khi đó quyền ngoại tình của người đàn ông vẫn được thừa nhận. Như vậy, ở đây chỉ có sự chung thủy về phía người vợ, cũng như chỉ một vợ một chồng về phía người phụ nữ mà thôi.

Gia đình gia trưởng trong chế độ phong kiến ở nước ta, ngoài những tính chất chung của gia đình phụ quyền trong lịch sử, còn mang những đặc điểm hà khắc của Nho giáo pha màu sắc tôn giáo. Trong gia đình phong kiến, vợ phải phục tùng chồng và phải tuyệt đối chung thủy với chồng. Luật pháp phong kiến chẳng những cho phép đàn ông có quyền bỏ vợ mà còn có quyền lấy nhiều vợ, còn người con gái dù thế nào cũng chỉ được lấy một chồng. Trinh tiết, thờ chồng là những phẩm chất đạo đức mà giai cấp phong kiến đặc biệt đề cao ở người phụ nữ. Song, tính vô nhân đạo của đạo đức phong kiến là ở chỗ nó buộc người phụ nữ phải chung thủy với chồng mà không cần biết người chồng có chung thủy với mình hay không, cũng như

không được quyền đòi hỏi sự chung thủy đáp lại của người đàn ông. Đó chính là mặt trái của cái gọi là sự chung thủy trong gia đình phong kiến. Nó biến sự chung thủy thành dây xích trói buộc người phụ nữ.

Địa vị thấp kém của phụ nữ trong gia đình phụ quyền và tính chất phi lý trong quan hệ tình cảm vợ chồng, đó chính là do hậu quả của sự thống trị của người đàn ông về kinh tế. Sự thống trị đó của người đàn ông trong hôn nhân chỉ mất đi khi nào xoá bỏ được chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cùng với các quan hệ tài sản do nền sản xuất ấy tạo ra. Điều này chỉ có thể thực hiện được dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tức là chế độ xã hội như Ăng-ghe-nơ nói là ở đó “một thể hệ đàn ông không bao giờ phải dùng tiền hoặc dùng những phương tiện quyền lực xã hội nào khác để mua người đàn bà, và một thể hệ đàn bà không bao giờ phải hiến mình cho đàn ông vì một lý do nào khác ngoài tình yêu chân chính” (C.Mác-Ph.Ăng-ghe-nơ, *Tuyển tập*, tập II, sách đã dẫn, tr.289). Chỉ đến lúc đó mới có sự bình đẳng thật sự trong hôn nhân. Và, cũng chỉ khi đó, chế độ một vợ một chồng mới thể hiện đầy đủ tính chất một vợ một chồng của nó. Lòng chung thủy giữa vợ và chồng, sản phẩm tất yếu này sinh từ liên minh giữa những trái tim đó, mới được thực hiện trọn vẹn.

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, khái niệm chung thủy hoàn toàn mang nội dung nhân đạo. Nó xuất phát trước hết từ nhu cầu tình cảm chân chính của con người và sự mong muốn của xã hội nhằm bảo vệ hạnh phúc của cá nhân và gia đình.

Do bản chất của tình yêu nam nữ là không thể chia sẻ được, cho nên hôn nhân một vợ một chồng căn cứ trên tình yêu về bản chất đã là hôn nhân chung thủy. Song, trên thực tế thì không đơn giản như vậy. Trong hoạt động xét xử của ngành toà án nước ta, người ta nhận thấy rằng có một số lượng lớn các vụ xin ly hôn trong những năm gần đây là những cặp hôn nhân dựa trên tình yêu. Trong một nghiên cứu của mình, nhà xã hội học Liên Xô Z.Fen-bua cho biết một kết quả sau khi phỏng vấn 15.000 cặp vợ chồng ở khắp đất nước Liên Xô là, đối với các cuộc hôn nhân vì tình yêu, cứ 10 đôi hạnh phúc thì có 10 đến 11 đôi bất hạnh (xem báo “Phụ nữ Việt Nam” số 39, 1982).

Từ đây, có thể rút ra một nhận xét là, người ta có thể rất hạnh phúc và rất chung thủy khi yêu nhau, nhưng chưa hẳn vì thế mà sẽ có hạnh phúc và sự chung thủy trong đời sống vợ chồng. Vì sao như vậy? Điều này chỉ có thể được giải thích bởi chính sự khác nhau giữa tình yêu và hôn nhân. Hôn nhân với tư cách là sự phát triển tới đỉnh cao của tình yêu, nhưng, mặt khác, hôn nhân lại không phải là thiết chế để duy trì tình yêu. Nói cách khác, không phải bằng vào sự kết hôn mà người ta có thể làm cho tình yêu tồn tại mãi mãi.

Ngược lại, với tư cách là sự phát triển tới đỉnh cao của tình yêu, hôn nhân, về phương diện này, đã làm thảo mãn tình yêu. Và khi nhu cầu đã được thoả mãn, thì ngay lập tức làm nảy sinh nhu cầu mới. Vì vậy, trong đời sống vợ chồng, bằng những biểu hiện sống của mình, nếu đôi vợ chồng không làm nảy sinh cho nhau những nhu cầu mới với tư cách là lý tưởng vươn tới của cả hai người thì sẽ không thể phát triển được tình yêu sau hôn nhân, duy trì tình cảm và bảo đảm hạnh phúc gia đình.

Là một tập thể nhỏ, một tổ chức, một nhóm xã hội đặc biệt, gia đình được sinh ra, tồn tại và không ngừng phát triển chính là do gia đình có một sứ mạng quan trọng là thực hiện những chức năng đặc biệt mà xã hội và tự nhiên đã trao cho nó,

không một thiết chế xã hội nào có thể thay thế được, như chức năng sinh đẻ và nuôi dạy con cái, chức năng kinh tế, chức năng tổ chức đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho các cá nhân... Những chức năng của gia đình bắt nguồn từ nhu cầu xã hội và đặc điểm của bản thân tổ chức gia đình (tất nhiên, cả hai yếu tố này đều biến đổi trong lịch sử, cho nên mỗi gia đình trong sự phát triển của nó, đều gắn liền với việc thực hiện những chức năng nhất định). Không ai bị bắt buộc phải kết hôn, nhưng khi đã bước vào hôn nhân thì mọi người đều phải chịu trách nhiệm trước xã hội và bản thân mình về cuộc hôn nhân đó, cũng có nghĩa là bắt buộc phải thực hiện nghĩa vụ gia đình của mình. Nhưng vì gia đình có đặc trưng là một tổ chức tình cảm tự nguyện, cho nên việc thực hiện những chức năng đặc biệt của nó chỉ có thể thông qua mối quan hệ tình cảm của các thành viên trong gia đình. Nhưng mặt khác chính nhờ việc cùng nhau thực hiện những chức năng của gia đình mà tình cảm giữa các thành viên trong gia đình mới có cơ sở được duy trì, hoàn thiện, củng cố và phát triển. Nhiều công trình xã hội học trên thế giới nghiên cứu về đời sống vợ chồng đã cấp cho chúng ta những kết luận bổ ích là, muốn cho hôn nhân hạnh phúc, bền vững thì hôn nhân đó phải đem lại sự thoả mãn cho cả vợ lẫn chồng về các cộng đồng sau đây: cộng đồng về tinh thần, cộng đồng về kinh tế, cộng đồng về sinh lý, cộng đồng về gia đình (con cái, cha mẹ, họ hàng...). Ở đâu, những chức năng của gia đình không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì ở đó khó có khả năng tạo ra được những cộng đồng thoả mãn. Trái lại, sẽ là chỉ báo chắc chắn cho sự tan rã của cuộc sống gia đình, sự biến mất của tình cảm, tình yêu vợ chồng. Những xung đột về lợi ích, cá tính, quan niệm sống.v.v... cũng nảy sinh từ đó và có nguy cơ sẽ bắt ngòi cho một vụ nổ lớn.

Ly hôn có khả năng xảy ra ở những cặp vợ chồng lấy nhau vì tình yêu trong hai trường hợp: hoặc là tình yêu của cả hai người đối với nhau hay của người này đối với người kia đã hoàn toàn phai nhạt, hoặc là cả hai người hay một trong hai người đã bị một tình yêu khác lấn át. Khi tình yêu không còn thì lòng chung thủy sinh ra từ tình yêu đó cũng sẽ mất đi. Ly hôn, như Mác nói, “chỉ là xác lập một sự giả dối” (Mác-Ăng-ghen: *Tuyển tập*, tập I, Nxb. Sự thật, H., 1978, tr.219). Bởi vì, “nếu chỉ có riêng hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu mới hợp đạo đức, thì cũng chỉ riêng có hôn nhân trong đó tình yêu được duy trì mới hợp đạo đức mà thôi” (C.Mác, Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, tập II, S.đ.d, tr.288). Tự do ly hôn trong chủ nghĩa xã hội do đó không phải là sự phá vỡ gia đình, mà trái lại, theo Lê-nin, là khả năng duy nhất trong xã hội văn minh để củng cố gia đình một cách vững chắc.

Như vậy, lòng chung thủy trong quan hệ vợ chồng, cũng như trong tình yêu nam nữ, không phải là một thứ tình cảm vĩnh cửu, “nhất thành bất biến”. Nó luôn luôn đứng trước những thử thách khó khăn. Nó phụ thuộc rất nhiều vào nghệ thuật sống và những nỗ lực của các thành viên nhằm bảo vệ nó.